

Tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở Việt Nam

Chính sách vĩ mô của chính phủ

1. Đặt vấn đề: Trong các lý thuyết kinh tế vĩ mô hiện đại đều chứng minh giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát có mối quan hệ thuận, nghĩa là, khi nền kinh tế tăng trưởng cao thì sẽ dẫn đến lạm phát. Vấn đề là mức lạm phát nào thì nền kinh tế chấp nhận được và không dẫn đến những xáo trộn trầm trọng tình hình kinh tế - xã hội, gây những bất ổn đến an ninh, trật tự xã hội. Trên cơ sở đánh giá tác động của lạm phát đến tình hình kinh tế - xã hội mà Chính phủ sẽ quyết định can thiệp để điều chỉnh. Đồng thời, chính phủ cũng dựa vào mục tiêu của mình để đưa ra các quyết định điều chỉnh. Nếu vì mục tiêu tăng trưởng cao, giải quyết nạn thất nghiệp, Chính phủ có thể phải duy trì mức lạm phát cao và ngược lại, Chính phủ muốn kìm chế lạm phát thì phải hy sinh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chịu mức thất nghiệp cao. Đây là những vấn đề kinh tế vĩ mô đang làm đau đầu các nhà lý luận cũng như các nhà lãnh đạo, hoạch định chính sách vĩ mô của Việt Nam hiện nay.

2. Phân tích vấn đề: Để có lời giải tương đối phù hợp cho các vấn đề trên, cần phân tích thực trạng tình hình tăng trưởng kinh tế và các nguyên nhân dẫn đến lạm phát của Việt Nam trong năm 2007 vừa qua.

2.1 Về tình hình tăng trưởng kinh tế năm 2007:

Kinh tế Việt Nam trong năm 2007 đã đạt được nhiều thành tựu trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cao thứ hai trong khu vực, chỉ sau Trung Quốc, năm 2006 tăng trưởng của Việt Nam là 8,2% thì năm 2007 đã đạt 8,7%. Kim ngạch

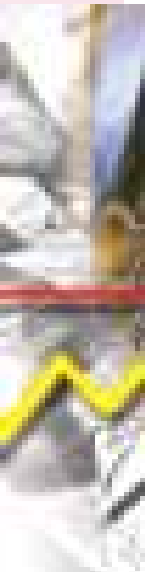
Một chính sách nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao mà mức lạm phát thấp là rất khó khăn, nhất là trong điều kiện nguồn lực cho tăng trưởng đã tới hạn và nền kinh tế đã hội nhập, chịu tác động của thị trường thế giới và nền kinh tế toàn cầu. Vậy trong điều kiện hiện nay, Việt Nam phải chọn con đường nào? Chấp nhận tăng trưởng cao và lạm phát cao, thất nghiệp thấp? Hay tăng trưởng thấp, lạm phát thấp nhưng thất nghiệp gia tăng? Hoặc có chính sách nào vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế cao và lạm phát thấp ở Việt Nam?

PGS. TS NGUYỄN VĂN TRÌNH
Khoa Kinh tế ĐHQG TPHCM

xuất, nhập khẩu cũng tăng cao, đạt đến trên 110 tỷ USD, tăng đến trên 29% so với năm 2006, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 49 tỷ USD (tăng trên 25% so với năm 2006) và kim ngạch nhập khẩu đạt hơn 61 tỷ USD (tăng trên 35% so với năm 2006). Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng đánh dấu mức tăng trưởng nhảy vọt, với số vốn FDI đăng ký đạt 20,4 tỷ USD, tăng 100% so với năm 2006 và vốn FPI vào khoảng 5 tỷ USD trên thị trường chứng khoán (TTCK), khoảng 1,3 tỷ USD vốn ODA được giải ngân (tổng vốn ODA cam kết năm 2007 là 4,47 tỷ USD, năm 2008 là 5,4 tỷ USD). Lượng kiều hối vào Việt Nam cũng tăng cao trong năm 2007 đạt khoảng 7 tỷ USD so với 5 tỷ USD năm 2006. Năm 2007 cũng là năm đánh dấu sự tăng trưởng của TTCK Việt Nam thể

hiện cả ở số lượng các công ty niêm yết và số vốn hóa trên thị trường. Tính đến cuối năm 2007 đã có 210 công ty niêm yết trên TTCK, với vốn hóa chiếm trên 40% GDP cả nước, biến TTCK trở thành kênh huy động vốn chủ yếu cho đầu tư và phát triển các doanh nghiệp của Việt Nam.

Tuy nhiên, năm 2007 cũng đánh dấu nền kinh tế Việt Nam có nhiều hạn chế như: Lạm phát tăng cao, đạt trên 12%, cao hơn so với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và cao hơn gấp đôi so với mục tiêu đề ra (khoảng 6 - 7%). Năm 2007 cũng là năm có mức nhập siêu cao nhất từ trước đến nay, đạt đến trên 12 tỷ USD, tăng 100% so với mức trên 6 tỷ USD của năm 2006 và chiếm trên 24% so với kim ngạch xuất khẩu. Bắt đầu từ năm 2007 nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, đánh dấu bởi sự kiện Việt Nam là thành viên chính thức của WTO, nên trong năm 2007 những biến động trên thị trường thế giới cũng như của nền kinh tế thế giới đều có tác động mạnh đến thị trường và nền kinh tế Việt Nam. Chẳng hạn, giá dầu hỏa tăng cao đến mức trên dưới 100 USD/thùng kéo theo giá nhiều mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu khác lên giá đã tác động đẩy giá cả trong nước tăng theo. Đồng thời trong năm 2007, nền kinh tế Việt Nam cũng chịu nhiều tác động của thiên tai, dịch bệnh như dịch cúm gia cầm, dịch tiêu chảy cấp, bão, lũ, hạn, hán... Tâm điểm chú ý của các nhà lý luận cũng như các nhà quản lý kinh tế vĩ mô là vấn đề lạm phát tăng cao ở Việt Nam trong năm 2007. Vậy giải quyết vấn đề này như thế nào? Theo chúng tôi cần phải



xác định quan điểm nhìn nhận về lạm phát và nguyên nhân của lạm phát để có giải pháp điều chỉnh đúng đắn.

2.2 Quan điểm nhìn nhận lạm phát:

Lạm phát đi kèm với tăng trưởng là hiện tượng kinh tế có tính quy luật, được nhiều nhà kinh tế học phát hiện trong học thuyết của mình. J.M. Keynes (1883 – 1946) là một trong những nhà kinh tế học phát hiện ra tính quy luật này và cho rằng cần phải tạo ra mức lạm phát “có kiểm soát” để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Quan điểm của Keynes đã được phát triển thành một trường phái thống trị trong một thời gian dài cả trong lý luận lẫn trong thực tiễn, với nhiều nhà kinh tế học ở nhiều quốc gia trên thế giới tham gia, trong đó trường phái Keynes ở Mỹ là phát triển đa dạng nhất. Ngày nay, quan điểm về lạm phát của trường phái này vẫn còn ý

trưởng kinh tế (mức lạm phát năm 2004 là 9,5%; năm 2005 là 8,4% và năm 2006 khoảng 7%). Như vậy, lý luận và thực tiễn đã chứng minh mối quan hệ thuận giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát, không thể có một tỷ lệ tăng trưởng cao mà lạm phát ở mức thấp được. Tăng trưởng kinh tế cao thì mức lạm phát phải cao. Vấn đề là mức lạm phát có thể vượt mức tăng trưởng kinh tế hay không? Vượt ở mức nào thì chấp nhận được? Theo quan điểm của chúng tôi, mức lạm phát có thể vượt mức tăng trưởng kinh tế, mức vượt trong khoảng từ 1-2% là có thể chấp nhận được. Do đó, mức lạm phát trong năm 2007 cao hơn mức tăng trưởng kinh tế khoảng trên 3% là tương đối cao, nhưng vẫn có thể chấp nhận được. Vì vậy, trong năm 2008 phải cố gắng giữ lạm phát ở mức này, để đảm bảo mức tăng trưởng kinh tế khoảng 8,5 - 9%. Muốn kiềm chế lạm phát phải tìm hiểu nguyên nhân đã dẫn đến mức lạm phát cao trong năm 2007, từ đó có biện pháp để kiềm chế nó trong năm 2008.

2.3 Nguyên nhân dẫn đến lạm phát:

Theo lý thuyết kinh tế học, có hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lạm phát là cầu kéo và chi phí đẩy. Lý thuyết lạm phát do cầu kéo chỉ đúng khi nền kinh tế đạt mức sản lượng tiềm năng, khi nền kinh tế đã sử dụng hết hoặc gần hết nguồn lực sẵn có. Khi đó, nếu tổng cầu gia tăng thì sẽ làm giá cả gia tăng vì nền kinh tế không còn tiềm năng để tăng trưởng, nên tổng cầu tăng không làm tổng cung tăng, mà chỉ làm tăng giá cả. Tổng cầu bao gồm các thành phần: Cầu chi tiêu của cá nhân, cầu chi tiêu của chính phủ, cầu đầu tư của các doanh nghiệp và cầu chi tiêu của người nước ngoài (xuất khẩu). Tổng cầu phải thể hiện thông qua tổng cầu tiền mặt. Bởi vì, trong nền kinh tế thị trường muốn mua hoặc bán được hàng hóa phải có một lượng tiền tương ứng với giá cả hàng hóa. Các nhà lý luận gọi là lưu thông hàng – tiền. Vì vậy, khi tổng tiền mặt tăng lên cũng thể hiện tổng cầu tăng lên. Trong trường hợp

Ngân hàng Trung ương có chính sách làm cho khối tiền trong lưu thông tăng lên, điều đó đồng nghĩa với việc sẽ làm cho tổng cầu gia tăng. Nếu nền kinh tế còn dưới mức tiềm năng, tổng cầu tăng sẽ tác động làm tổng cung tăng, nền kinh tế tăng trưởng, lúc này lạm phát sẽ không cao, nền kinh tế chịu đựng được. Ngược lại nếu nền kinh tế đã ở mức tiềm năng thì tổng cầu tăng sẽ làm giá tăng, mà sản lượng không tăng nổi, lạm phát sẽ tăng cao.

Nguyên nhân lạm phát do chi phí đẩy được thể hiện trong nền kinh tế còn nằm dưới mức sản lượng tiềm năng. Lúc này lạm phát cao xảy ra do giá các nguyên, nhiên vật liệu chủ yếu trong nền kinh tế như xăng dầu, lương thực thực phẩm...tăng cao, làm cho chi phí sản xuất hàng hóa tăng cao và đẩy giá cả hàng hóa trên thị trường tăng cao. Lạm phát cao xảy ra.

Từ các nguyên nhân về mặt lý thuyết ở trên, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, có thể phân tích nguyên nhân lạm phát ở Việt Nam trong năm 2007 có cả yếu tố cầu kéo và chi phí đẩy.

Trước hết, nguyên nhân do cầu kéo. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam chưa đạt mức sản lượng tiềm năng, vẫn còn nhiều nguồn lực cho tăng trưởng: Nguồn nhân lực dồi dào và trẻ, nguồn vốn trong và ngoài nước phong phú, nguồn tự nhiên chưa khai thác hết, nhưng lạm phát năm 2007 vẫn có nguyên nhân từ phía cầu. Có thể trình bày những nguyên nhân từ phía cầu như sau:

- Thu nhập quốc dân tăng lên do kết quả tăng trưởng kinh tế nhiều năm liền trước đó làm cho thu nhập của dân cư tăng lên (năm 2001: 6,89%, năm 2002: 7,08%, năm 2003: 7,34%, năm 2004: 7,79%, năm 2005: 8,43%, năm 2006: 8,2%). Điều đó làm cho cầu tiêu dùng cá nhân tăng cao trong năm 2007.

- Tốc độ tăng đầu tư trong toàn bộ nền kinh tế (bao gồm khu vực kinh tế trong nước và nước ngoài) cao trong nhiều năm liền (khoảng 20%/năm), nhất là đầu tư nước ngoài tăng cao trong năm 2006 (vốn FDI đăng ký trên



nghĩa trong điều hành chính sách lạm phát ở nhiều nước, mặc dù có những biến thái nhất định để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng nước.

Các nhà điều hành chính sách ở Việt Nam hiện nay đang thực hiện quan điểm của trường phái Keynes trong điều kiện Việt Nam. Điều này có thể nhận biết qua cách điều hành nền kinh tế của Chính phủ Việt Nam hiện nay. Chính phủ Việt Nam đã chấp nhận mức lạm phát “vừa phải”, dưới hai con số, để thúc đẩy tăng

10 tỷ USD) và đặc biệt nhảy vọt trong năm 2007 (vốn FDI đăng ký trên 20 tỷ USD) làm cho cầu đầu tư tăng lên nhanh chóng, đẩy giá nguyên, nhiên vật liệu và nhân công tăng cao. Tiền lương tối thiểu trong khu vực hành chính, sự nghiệp đã tăng lên trong năm 2006 kéo tiền lương trong khu vực sản xuất cũng tăng theo, làm gia tăng thu nhập bằng tiền và tiêu dùng trong dân cư cũng tăng theo.

- Xuất khẩu tăng nhanh qua nhiều năm, riêng năm 2006 là trên 40 tỷ USD và năm 2007 đã đạt đến trên 49 tỷ USD làm cho việc tiêu dùng sản xuất xuất khẩu như mua nguyên nhiên vật liệu, thuê mướn nhân công... tăng nhanh, đẩy tổng cầu tăng nhanh.

- Trong năm 2007 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phát hành khối lượng tiền mặt tăng thêm 30%, chủ yếu để mua ngoại tệ nhằm giữ giá trị VND thấp, với mục đích thúc đẩy xuất khẩu. Bên cạnh đó, do lãi suất thị trường thấp nên lượng tín dụng từ các ngân hàng cũng tăng lên đến trên 35%, nhất là cho vay mua chứng khoán và kinh doanh bất động sản, nhưng thiếu biện pháp để thu hút tiền về ngân hàng. Mặc dù, NHNN đã đưa ra mức khống chế dư nợ cho vay kinh doanh chứng khoán của các ngân hàng thương mại (NHTM) không quá 3%, nhưng vẫn chưa có mức khống chế đối với cho vay kinh doanh bất động sản, vì vậy đã đẩy một khối lượng tiền lớn đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, gây nên các đợt sốt giá bất động sản trong năm 2007. Điều đó góp phần đẩy mức giá chung tăng lên và tiềm ẩn tạo nhiều nguy cơ cho thị trường bất động sản trong những năm tiếp theo.

Thứ hai, nguyên nhân do chi phí đẩy. Nguyên nhân về phía chi phí có thể phân tích ở những điểm sau:

- Trong năm 2007 Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO, đánh dấu sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Do đó, các biến động trên thị trường thế giới đều ảnh hưởng đến thị trường trong nước. Giá dầu tăng cao và giá cả các hàng hóa nguyên,

nhiên vật liệu khác trên thế giới tăng cao quả thật đã đè nặng lên chi phí sản xuất của Việt Nam, bởi vì, Việt Nam phải nhập nhiều thứ hàng hóa máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất kinh doanh trong nước và cho xuất khẩu. Năm 2007 Việt Nam có mức nhập siêu cao nhất từ trước đến nay, đạt trên 12 tỷ USD, với tổng kim ngạch nhập khẩu trên 61 tỷ USD, trong đó 80% là nhập máy móc thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất. Giá nhập khẩu tăng đã đẩy giá thành sản xuất trong nước tăng cao, để không bị lỗ, buộc nhà sản xuất, kinh doanh phải nâng giá bán lên, đẩy mức giá cả chung tăng lên. Trong khi đó, năng suất lao động của Việt Nam còn thấp, việc ứng dụng khoa học – công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm còn ít, nên cũng không thể hạ giá bán sản phẩm hàng hóa.

- Năm 2007 cũng là năm Việt Nam chịu nhiều thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Bão, lũ các tỉnh miền Bắc, Trung đã làm tình hình sản xuất lương thực thực phẩm của khu vực này gặp khó khăn, kèm theo dịch bệnh liên tục đã làm cho giá lương thực, thực phẩm tăng cao. Đồng thời, các cơn sốt nhà đất, bất động sản năm 2007 cũng đã đẩy giá nhà, giá căn hộ, giá thuê nhà ở, giá văn phòng cho thuê tăng cao. Bên cạnh đó, giá các dịch vụ khác cũng đều gia tăng: Giá điện, giá nước, chi phí học tập Tất cả đều ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, nhất là đến giá trị sức lao động, gây sức ép đẩy giá nhân công tăng cao và làm cho chi phí sản xuất tăng cao, góp phần đẩy mức giá chung tăng lên.

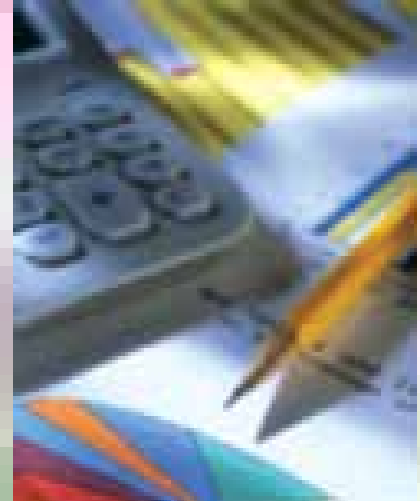
2.4 Những giải pháp cho năm 2008:

Những nguyên nhân của lạm phát năm 2007 về cơ bản đã được nhận diện, vậy cần phải làm gì để lạm phát năm 2008 được kiềm giữ ở mức mong muốn nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 vào khoảng 8,5 -9%, trong khi những nhân tố làm gia tăng lạm phát trong năm 2008 vẫn như năm 2007 và không muốn nói là

tác động với cường độ mạnh hơn năm 2007 như: Đầu tư toàn xã hội phải tăng cao hơn, tiền lương trong tất cả các khu vực đã tăng cao hơn, giá dầu trên thế giới còn nhiều bí ẩn và có thể vẫn giữ ở mức cao như hiện nay, thậm chí còn có thể cao hơn hiện nay (hiện nay là khoảng 100 USD/thùng)...

Theo chúng tôi, cần phải thực hiện đồng loạt nhiều biện pháp một cách thông minh, khôn khéo mới có thể kiềm chế lạm phát ở mức mong muốn mà không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế cao. Có thể gợi ý một vài biện pháp sau:

- Không thể giảm tổng cầu để kiềm chế lạm phát được, bởi vì, nó sẽ có tác động làm giảm tỷ lệ tăng trưởng. Tuy nhiên, có thể thông qua chính sách tiền tệ để vẫn giữ lãi suất ở mức vừa phải nhằm thúc đẩy đầu tư mà vẫn kiềm chế được mức tổng cầu tiền tệ, nhất là đối với những khoản cầu tiền tệ không cần thiết cho nền kinh tế. Chẳng hạn như Ngân hàng nhà nước có thể thay đổi chính sách hạn mức dư nợ tín dụng đối với cho vay kinh doanh chứng khoán và kinh doanh đất đai, bất động sản. Cần thiết nên mở rộng hạn mức cho vay kinh doanh chứng khoán của các ngân hàng thương mại lên khoảng 5%, đồng thời xiết chặt hạn mức dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản, để hạn chế mức tăng giá của các mặt hàng này và hạn chế đổ vỡ tín dụng khi thị trường bất động sản bị đóng băng. Nói cách khác Ngân hàng Nhà nước nên điều hành chính sách tiền tệ một cách khôn khéo và linh hoạt hơn, nên sử dụng một cách tốt hơn và kịp thời các công cụ của chính sách



tiền tệ như: Lãi suất chiết khấu, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở...

- Về chi tiêu chính phủ cần chú ý giải ngân kịp thời cho các dự án đầu tư có nguồn vốn từ ngân sách của chính phủ, nhằm hạn chế tình trạng gây sức ép tăng giá vào cuối năm khi đầu năm thì không giải ngân, để đến gần cuối năm mới đẩy mạnh giải ngân làm cho một lượng tiền mặt lớn đi vào lưu thông, tác động làm tăng giá mạnh vào cuối năm. Chính phủ nên kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu của chính phủ trên tinh thần sử dụng một cách có hiệu quả đồng vốn ngân sách, tránh lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản khi tập trung phát huy chức năng của đội ngũ các bộ phận hoạch định dự án, phân bổ nguồn vốn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án thuộc chính phủ.

- Chính phủ cần dự báo chính xác sự biến động giá cả trên thị trường thế giới, nhất là giá cả các

mặt hàng chiến lược như xăng, dầu, sắt, thép, lương thực, thực phẩm... để kịp thời điều chỉnh giá trong nước, tránh bị động như trong năm 2007. Tập trung toàn bộ lực lượng quản lý, điều chỉnh giá cả một cách nhanh nhạy, bằng các biện pháp hành chính lẫn biện pháp kinh tế đối với giá cả thị trường. Chống đầu cơ nâng giá đối với mọi khu vực kinh tế, kể cả kinh tế nhà nước.

3. Kết luận:

Trong thực tế điều hành đất nước, bất cứ chính phủ quốc gia nào cũng muốn nền kinh tế nước mình có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và mức lạm phát thấp, mức thất nghiệp thấp. Tuy nhiên, thực tế hoạt động của nền kinh tế cũng chỉ rõ kinh tế tăng trưởng cao đồng hành với mức lạm phát cao. Do đó, nếu Việt Nam muốn có mức tăng trưởng cao mà đặt mục tiêu duy trì mức lạm phát thấp là khó thực hiện. Muốn đạt được điều đó đòi hỏi phải có một chính sách cực kỳ thông minh, trên cơ sở phải có được một chính phủ giỏi và sử dụng

thành thạo các công cụ kinh tế vĩ mô lẫn các công cụ quản lý hành chính nhà nước. Điều đó hy vọng sẽ đạt được đối với Việt Nam trong năm 2008 và những năm tiếp theo để Việt Nam nhanh chóng trở thành một nước công nghiệp phát triển, với nền kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững •

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng văn Cường (chủ biên) (2006), *Thị trường bất động sản*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
2. PGS.TS Đỗ Đức Minh (2006), *Tài chính Việt Nam 2001 - 2010*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Nam, Trần Thọ Đạt (chủ biên), (2006), *Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Nxb ĐHKQTĐ, Hà Nội.
4. Thời báo kinh tế Việt Nam, Kinh tế Việt Nam và thế giới 2006 -2007.
5. N.G. Mankiw (2007), *Essentials of Economics*, Thomson, USA
6. Vietnam Investment Review, Dec 10 -16, 2007.



BIDV

**NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
SỞ GIAO DỊCH II**

Địa chỉ: 11 Bến Chương Dương, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 TP.HCM
Điện thoại: (08) 9142232 * Fax: (08) 8214927

H A P P Y • N E W • Y E A R

É

Chúc Mừng Năm Mới!

PHÚ

XUÂN

Nhân dịp Xuân Mậu Tý 2008,

*Sở giao dịch II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Kính chúc Quý khách năm mới An Khang - Thịnh Vượng.*

QUÝ

TRAO

**HÀNG NGÀN LỘC XUÂN BẤT NGỜ, THÚ Y
ĐANG CHỜ ĐÓN QUÝ KHÁCH!**

BÌNH

LỘC

BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 22/01/2008

AN

CHIA SẺ CƠ HỘI * HỢP TÁC THÀNH CÔNG